

Ngày 31/03/2024	21,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.2%	25.1%	29.1%

2023	
ROE	8.3%
	+/- YoY ▼ 1.5%

Q1/24		
DT thuần	285	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 30.0 ▲ 11.6%	YoY ▲ 113 ▲ 65.5%

2023	
DT thuần	952
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 15.0 ▲ 1.7%

Q1/24		
LN gộp	98.4	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 21.7 ▲ 28.3%	YoY ▲ 77.0 ▲ 360%

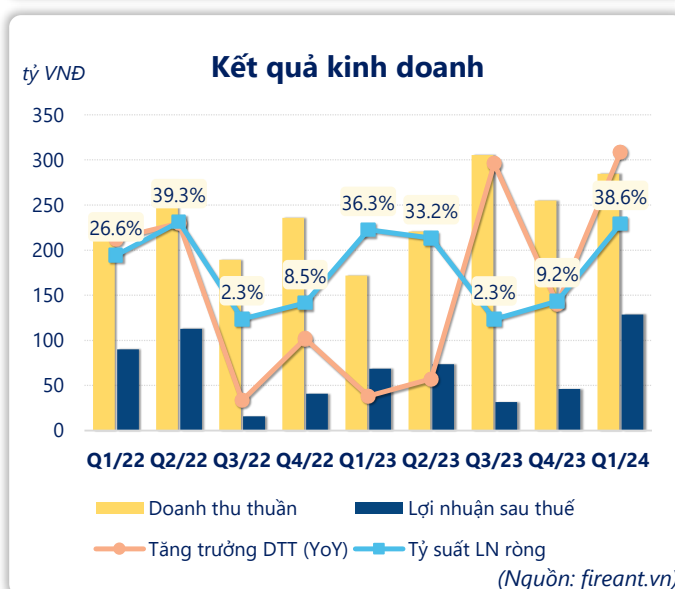
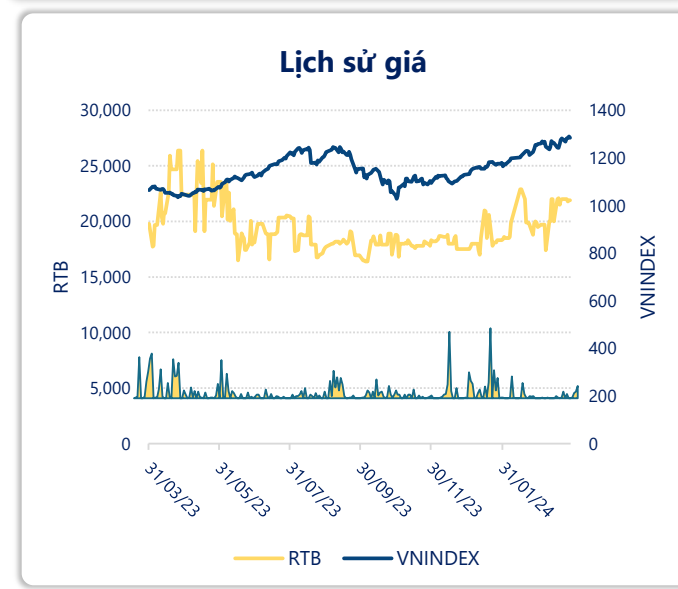
2023	
LN gộp	255
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 64.0 ▼ 20.0%

Q1/24		
LN thuần	74.1	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 26.1 ▲ 54.4%	YoY ▲ 73.3 ▲ 8621%

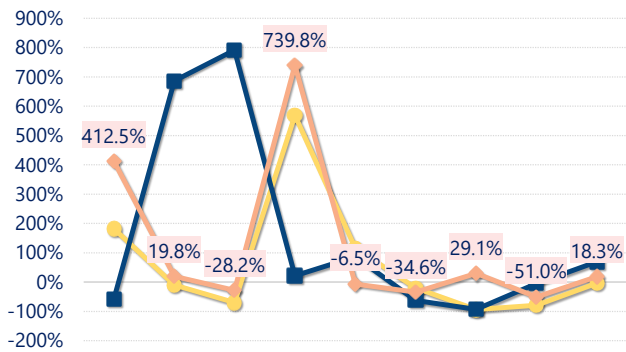
2023	
LN thuần	158
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 51.0 ▼ 24.5%

Q1/24		
LN sau thuế	129	
tỷ VNĐ		
	QoQ ▲ 83.0 ▲ 180%	YoY ▲ 60.3 ▲ 87.4%

2023	
LN sau thuế	244
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 30.0 ▼ 11.0%



Tăng trưởng lợi nhuận

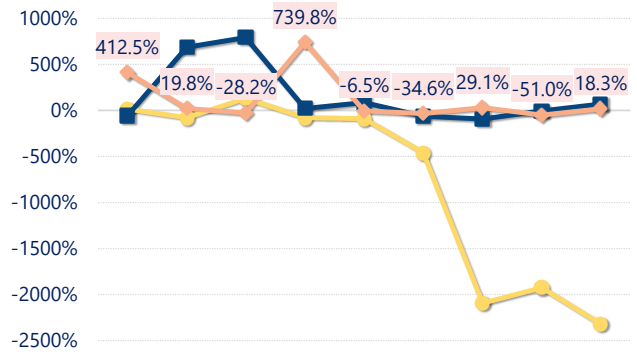


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

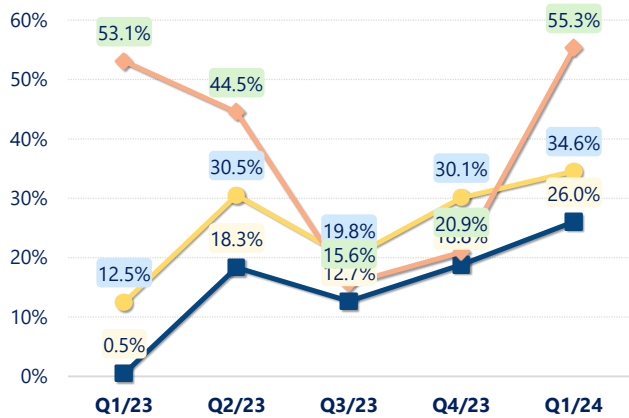


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

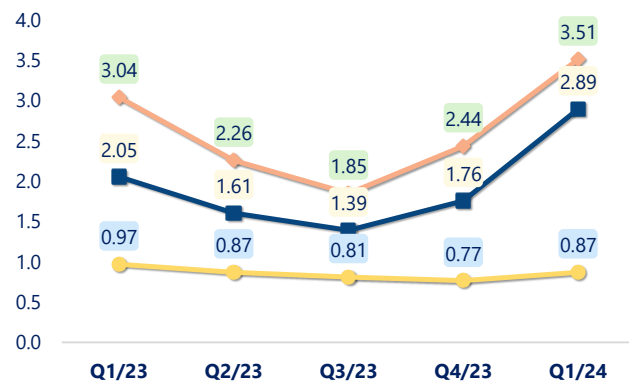
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

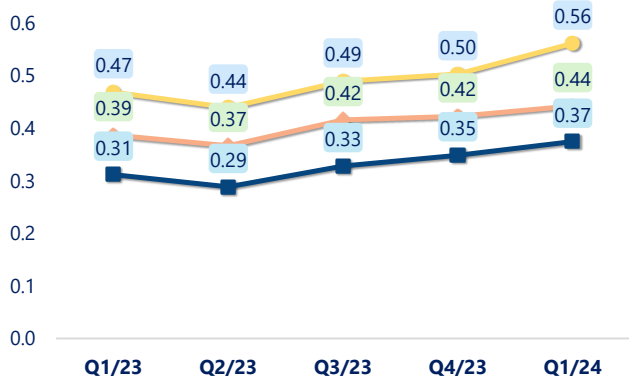


— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh

— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

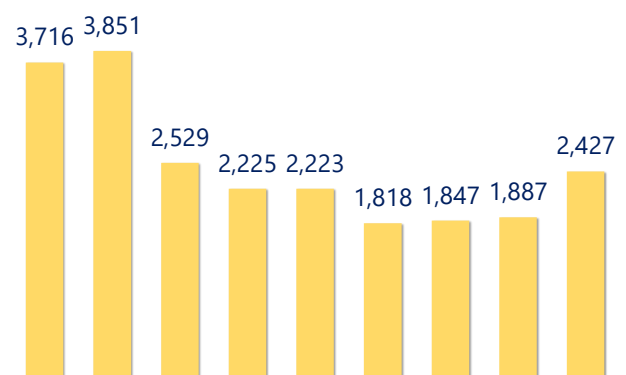


— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS

— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	285	172	65.5%	952	937	1.7%
Giá vốn hàng bán	186	150	24.2%	697	618	12.8%
Lợi nhuận gộp	98.4	21.4	360%	255	319	-20.0%
Doanh thu HĐTC	8.21	11.9	-31.0%	37.9	31.8	19.4%
Chi phí TC	10.1	12.0	-15.5%	41.5	41.5	-0.1%
Chi phí lãi vay	3.45	4.97	-30.5%	20.2	25.3	-20.0%
LN trong công ty LKLD	-0.73	0.03	-2517%	-2.94	-0.70	-318%
Chi phí bán hàng	7.28	4.98	46.3%	30.0	37.3	-19.7%
Chi phí QLDN	14.3	15.5	-7.7%	61.2	62.2	-1.7%
LN thuần từ HĐKD	74.1	0.85	8621%	158	209	-24.5%
Lợi nhuận khác	79.8	85.3	-6.4%	137	128	7.3%
LN trước thuế	154	86.2	78.6%	295	337	-12.4%
Lợi nhuận sau thuế	129	68.7	87.4%	244	274	-11.0%
LNST của CĐ cty mẹ	110	62.4	76.1%	190	211	-10.0%

(Nguồn: fireant.vn)

